TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/DS-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Thanh**.

2. Bà **Lê Thị Vân**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Chí Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Xuân Ngọc** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

***** *Bị đơn:*

1. Chị **Đỗ Thị M T**, sinh năm 1985;

2. Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà M có mặt; ông T và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Do chổ quen biết nên ngày 30/02/2020 (âm lịch), chị M có cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T mượn hai dây hụi 5.000.000 đồng. Hai dây hụi gồm 50 phần, hụi 02 tháng khui 1 lần. Hai dây hụi đến khi mãn chị M hốt được 250.000.000 đồng. Vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T hứa khi hai dây hụi mãn sẽ trả cho chị M số tiền 246.000.000 đồng, do trừ đi hoa hồng số tiền 4.000.000 đồng. Hiện hai dây hụi đã mãn vào tháng 01/2023 âm lịch. chị M đã đến nhà vợ chồng anh T, chị T nhắc nhở về số nợ trên nhiều lần nhưng vợ chồng anh T, chị T cứ hẹn lần hẹn lượt mà không chịu trả cho chị M.

Tại đơn xin thay thay đổi, bổ sung đơn kiện chị M trình bày do trước đây chị có nộp đơn kiện ghi thông tin bị đơn là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 và Đỗ Thị A T, sinh năm 1983 theo biên nhận nợ mà anh T và chị T đã ghi, nhưng nay chị M được biết chị T tên thật là Đỗ Thị M T, sinh năm 1985, không phải là Đỗ Thị A T, sinh năm 1983 như đã khai và anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982 chứ không phải sinh năm 1980 như đã khai.

Nay chị M yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T phải liên đới trả cho chị M số tiền đã mượn là 246.000.000 đồng và trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T phải liên đới trả cho chị số tiền đã mượn là 246.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M mặc dù Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đúng qui định của pháp luật.*

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Buộc chị T và anh T có trách nhiệm liên đới trả cho chị M số tiền mượn là 246.000.000 đồng trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ Tòa án thu thập:

- Biên bản xác minh ngày 17/5/2023.
- Biên bản xác minh ngày 18/5/2023.
- 02 (hai) biên bản xác minh ngày 22/5/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[**1**] Về thủ tục tố tụng:

Theo giấy biên nhận nợ ngày 30/02/2020 do chị M cung cấp thì bên người mượn là Đỗ Thị A T, sinh 1983 và đơn khởi kiện ngày 24/3/2023 thì chị M ghi thông tin anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980. Tuy nhiên qua xác minh tại Công an xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì bà Đỗ Thị A T, sinh năm 1983 có tên thật là Đỗ Thị M T, sinh năm 1985 và Công an xã cũng đã xác nhận là cùng một người, anh Nguyễn Thanh T sinh năm 1982 là đúng nên Tòa án xác định bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982 và chị Đỗ Thị M T, sinh năm 1985.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, kèm theo các chứng cứ tài liệu liên quan, trong hạn 15 ngày anh T, chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ mà chị M đưa ra. Sau đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo công khai chứng cứ, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T, chị T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T theo qui định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[**2**] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị M với anh Nguyễn Thanh T, chị Đỗ Thị M T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[**3**] Về nội dung: Vào ngày 30/02/2020 (âm lịch), chị M có cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T mượn hai dây hụi 5.000.000 đồng. Hai dây hụi gồm 50 phần, hụi 02 tháng khui 1 lần. Hai dây hụi đến khi mãn chị M hốt được 250.000.000 đồng. Vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T hứa khi hai dây hụi mãn sẽ trả cho chị M số tiền 246.000.000 đồng, do trừ đi hoa hồng số tiền 4.000.000 đồng. Hiện hai dây hụi đã mãn vào tháng 01/2023 âm lịch. chị M đã đến nhà vợ chồng anh T, chị T nhắc nhở về số nợ trên nhiều lần nhưng vợ chồng anh T, chị T cứ hẹn lần hẹn lượt mà không chịu trả cho chị M.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng) là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ: căn cứ vào giấy biên nhận bản chính ngày 30/02/2020 (âm lịch) do chị M cung cấp với nội dung: "*Tôi tên M có cho vợ chồng anh T mượn 02 dây hụi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tổng cộng 50 phần mãn trả đủ 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng)*" và anh T, chị T có ký tên, ghi rõ họ tên vào giấy biên nhận.

Căn cứ vào giấy biên nhận trên, có đủ cơ sở xác định giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh T, chị Đỗ Thị M T đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Sau khi vay, anh T và chị T không trả nợ như thỏa thuận là vi phạm hợp đồng và gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp

pháp của chị M nên chị M yêu cầu anh T, chị T trả đủ số tiền trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[**4**] Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của phía bị đơn cho phía nguyên đơn, nên cần tiếp tục thực hiện quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy để đảm bảo cho việc thi hành án.

[**5**] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[**6**] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đền nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

Buộc anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị M số tiền mượn là 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng) thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh T, chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị M T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.300.000 đồng.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.150.000 đồng theo biên lai thu số 0017439 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Anh Nguyễn Thanh T, chị Đỗ Thị M T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Cảnh